

MUA

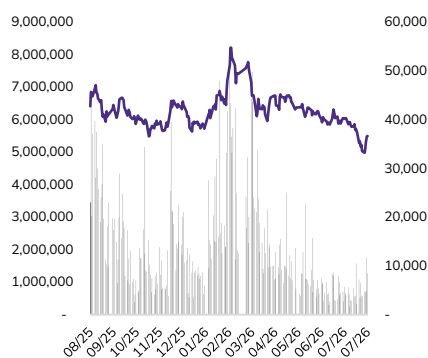
Kiều Thị Thanh Thư

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Bán lẻ
Ngày báo cáo	: 05/08/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 39.600
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 45.700
Tỷ lệ tăng	: 15,4%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 8.758
SLCPLH (CP)	: 221.161.000

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: Fiinpro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2Q25	2Q26
Tăng trưởng DTT (%)	14,4%	26,9%
Tăng trưởng LNST (%)	30,0%	167,2%
Biên LNG (%)	8,5%	13,0%
Biên LNST (%)	2,0%	4,3%
ROA (%)	1,4%	2,8%
ROE (%)	3,8%	8,4%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,92	0,86
EPS (VND/CP)	528	2.304
BVPS (VND/CP)	13.955	16.810

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Triển vọng tích cực nhờ cầu tiêu dùng và xu hướng chuyển đổi số

- KQKD Q2/2026: Lợi nhuận bùng nổ nhờ tăng trưởng ở các mảng kinh doanh chính và mặt bằng giá laptop tăng giúp cải thiện biên lợi nhuận.**
 - Doanh thu thuần Q2/2026 ghi nhận 7.273 tỷ đồng (+26,9% svck). Kết quả này được thúc đẩy bởi các hoạt động kinh doanh cốt lõi, cụ thể:
 - Máy tính xách tay & Máy tính bảng tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với doanh thu 2.511 tỷ đồng (+37% svck), chiếm 34,5% tổng doanh thu, nhờ mặt bằng giá bán tăng khoảng 20% svck do giá RAM và các linh kiện bán dẫn duy trì ở mức cao. Bên cạnh đó, tâm lý mua sắm sớm của người tiêu dùng và doanh nghiệp nhằm đón đầu các đợt tăng giá tiếp theo thúc đẩy sản lượng tiêu thụ.
 - Doanh thu điện thoại di động đạt 2.054 tỷ đồng (+5% svck), chiếm 28,2% tổng doanh thu, phục hồi tích cực nhờ sự đóng góp của các dòng sản phẩm mới từ Xiaomi và Motorola sau giai đoạn tiêu thụ trầm lắng.
 - Doanh thu mảng thiết bị văn phòng đạt 2.014 tỷ đồng (+47% svck), chiếm 27,7% tổng doanh thu, hưởng lợi từ xu hướng doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng công nghệ và chuyển đổi số.
 - Doanh thu mảng thiết bị gia dụng đạt 476 tỷ đồng (+38% svck), chiếm 6,5% tổng doanh thu, được hỗ trợ bởi nhu cầu các thiết bị làm mát như điều hòa, quạt điện tăng cao trong mùa nắng nóng và World Cup 2026 góp phần gia tăng nhu cầu mua sắm TV.
 - Doanh thu hàng tiêu dùng đạt 218 tỷ đồng (-4% svck), chiếm 3% tổng doanh thu. Trong đó, doanh thu nhóm đồ uống ghi nhận kết quả tích cực nhờ nhu cầu tiêu dùng gia tăng trong mùa World Cup 2026, trong khi nhóm sản phẩm chăm sóc sức khỏe suy giảm mạnh.
 - Lợi nhuận gộp đạt 943,2 tỷ đồng (+93,5% svck). Biên LNG tăng mạnh 4,5 điểm % lên 13%. Biên LNG hưởng lợi từ việc tăng giá bán laptop do giá RAM và linh kiện bán dẫn tăng.
 - Chi phí BH&QLDN ở mức 594,9 tỷ đồng (+37,7% svck). Trong đó, chi phí quảng cáo khuyến mại tăng mạnh 43,7% svck lên 456,5 tỷ đồng.
 - Doanh thu tài chính đạt 84,6 tỷ đồng (+9,2% svck), phần lớn là lãi trái phiếu và chiết khấu thanh toán được hưởng. Trong đó, lãi trái phiếu Q2/2026 ghi nhận 26,7 tỷ đồng (+57,1% svck); chiết khấu thanh toán ở mức 30,2 tỷ đồng (+83% svck). Chi phí tài chính tăng mạnh 480,2% svck lên 50,9 tỷ đồng với chi phí lãi vay ghi nhận 54,1 tỷ đồng (+57,8% svck) và DGW hoàn lỗ chứng khoán kinh doanh ghi nhận trong quý trước.
 - Kết quả, LNST cổ đông công ty mẹ ghi nhận 309,3 tỷ đồng (+167,2% svck).

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DGW Q2/2026 & 1H2026

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	2Q25	2Q26	%YoY	1H2025	1H2026	%YoY
Doanh thu thuần	5.731	7.273	26,9%	11.251	15.774	40,2%
Lợi nhuận gộp	487,3	943,2	93,5%	968,1	1.747	80,4%
<i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>	<i>8,5%</i>	<i>13,0%</i>		<i>8,6%</i>	<i>11,1%</i>	
Chi phí BH & QLDN	-432,1	-594,9	37,7%	-724	-1.142	57,7%
<i>Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT</i>	<i>7,5%</i>	<i>8,2%</i>		<i>6,4%</i>	<i>7,2%</i>	
Doanh thu tài chính	77,5	84,6	9,2%	128,8	158,5	23,1%
Chi phí tài chính	-8,8	-50,9	480,2%	-113,1	-134,0	18,5%
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>-34,3</i>	<i>-54,1</i>	<i>57,8%</i>	<i>-61,7</i>	<i>-104,0</i>	<i>68,5%</i>
Lợi nhuận từ HĐKD	125,1	382,2	205,5%	260,8	628,2	140,9%
Lợi nhuận trước thuế	131,6	387,5	194,5%	268,7	644,3	139,8%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	115,8	309,3	167,2%	221,7	509,5	129,9%
<i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>	<i>2,0%</i>	<i>4,3%</i>		<i>2,0%</i>	<i>3,2%</i>	

Nguồn: DGW, ABS Research

• Lũy kế 6T2026, doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng tích cực.

- ✓ Digiworld đạt 15.773 tỷ đồng doanh thu (+40,2% svck). Trong đó, doanh thu MTXT&MTB đạt 5.314 tỷ đồng (+64,9% svck); doanh thu thiết bị văn phòng đạt 4.461 tỷ đồng (+68,9% svck); doanh thu thiết bị gia dụng đạt 1.198 tỷ đồng (+60,4% svck); doanh thu điện thoại di động đạt 4.332 tỷ đồng (+3,3% svck) và doanh thu hàng tiêu dùng đạt 468 tỷ đồng (+4,9% svck). Nhờ tăng trưởng doanh thu cùng sự cải thiện về biên lợi nhuận, lợi nhuận gộp đạt 1.747 tỷ đồng (+80,4% svck).
- ✓ Doanh thu hoạt động tài chính đạt 158,5 tỷ đồng (+23,1% svck). Trong đó, chiết khấu thanh toán được hưởng ghi nhận 56,7 tỷ đồng (+84% svck); lãi trái phiếu đạt 45,7 tỷ đồng (+73,8% svck); lãi chứng khoán kinh doanh ghi nhận 27 tỷ đồng (-8,5% svck). Chi phí tài chính ở mức 134 tỷ đồng (+18,5% svck), chủ yếu do chi phí lãi vay tăng mạnh 68,5% svck lên 104 tỷ đồng, phản ánh nhu cầu vốn lưu động gia tăng để phục vụ hoạt động kinh doanh.
- ✓ Chi phí BH&QLDN tăng mạnh +57,7% svck lên 1.142 tỷ đồng. Trong đó, chi phí quảng cáo, hỗ trợ bán hàng tăng gần 80% svck lên 886,1 tỷ đồng, phù hợp với chiến lược đẩy mạnh mở rộng thị trường và thúc đẩy doanh số.
- ✓ LNST cổ đông công ty mẹ đạt 509,5 tỷ đồng (+130% svck). Với kết quả này, DGW đã hoàn thành 50% kế hoạch doanh thu và 77% kế hoạch lợi nhuận năm 2026.

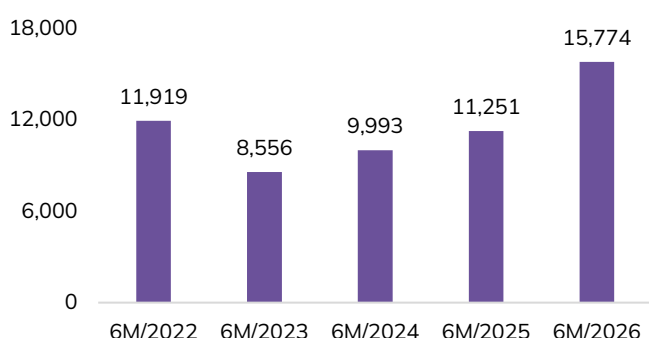
• Tình hình tài chính nhìn chung vẫn an toàn.

- ✓ *Tiền và tiền gửi ngân hàng tăng mạnh.* Lượng tiền và tiền gửi ngân hàng cuối Q2/2026 ở mức 2.140 tỷ đồng (+21,8% sv đầu năm), chiếm 17,1% TTS. Tiền tăng nhờ dòng tiền HĐSXKD dương trong nửa đầu năm đồng thời DGW cũng tăng vay nợ trong kỳ.
- ✓ *Phải thu khách hàng tăng nhẹ.* Khoản phải thu khách hàng cuối Q2/2026 ở mức 3.392 tỷ đồng (+5,2% sv đầu năm), chiếm 27,1% TTS. Trong đó phải thu từ CTCP đầu tư Điện Máy Xanh và các chi nhánh ở mức 902,8 tỷ đồng (+16,6% sv đầu năm); phải thu từ CTCP bán lẻ kỹ thuật số FPT & các chi nhánh ở mức 353,3 tỷ đồng (+91,2% sv đầu năm). Phải thu khách hàng tăng thấp hơn tốc độ tăng doanh thu cho thấy doanh nghiệp vẫn duy trì được hiệu quả quản lý công nợ và chưa xuất hiện dấu hiệu gia tăng đáng kể áp lực vốn lưu động. Tuy nhiên, việc phải thu từ FPT Retail tăng gần gấp đôi là đáng chú ý và cần theo dõi trong các quý tới để đánh giá khả năng thu hồi công nợ và tác động đến dòng tiền hoạt động.
- ✓ *Hàng tồn kho tăng mạnh.* Giá trị HTK cuối Q2/2026 ở mức 5.856 tỷ đồng (+28,1% sv đầu năm), chiếm 46,7% TTS. HTK tăng mạnh trong bối cảnh DGW gia tăng dự trữ hàng hóa để phục vụ khách hàng mua sớm trước các đợt điều chỉnh giá mới do tình trạng thiếu hụt RAM và các linh kiện bán dẫn vẫn duy trì.
- ✓ *Các khoản đầu tư tài chính giảm mạnh.* Cuối Q2/2026, giá trị đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp của DGW ở mức 778,2 tỷ đồng (-43,6% so với đầu năm). Đây là khoản đầu tư mang lại nguồn thu lãi đáng kể và là một trong những yếu tố đóng góp

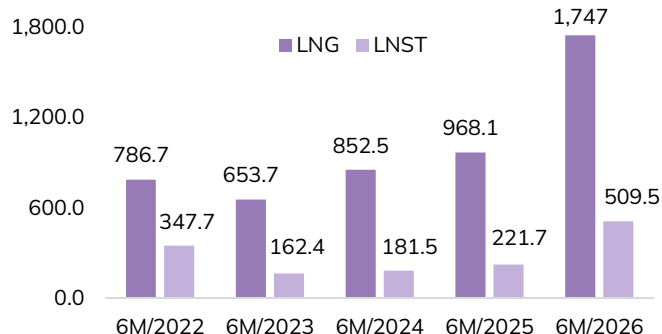
chính vào doanh thu tài chính của doanh nghiệp trong các năm gần đây. Bên cạnh đó, giá trị chứng khoán kinh doanh giảm xuống còn 300,5 tỷ đồng (-61,9% so với đầu năm). Trong kỳ, DGW đã thoái bớt các khoản đầu tư cổ phiếu nắm giữ từ đầu năm, bao gồm TCB, HPG, VPB và VCI. Việc thu hẹp danh mục đầu tư tài chính có thể giúp doanh nghiệp tăng lượng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh cốt lõi, song cũng có thể khiến thu nhập tài chính từ lãi trái phiếu và hoạt động đầu tư giảm trong các kỳ tới nếu không được tái đầu tư.

- ✓ **Nợ vay tiếp tục tăng.** Tổng nợ vay cuối Q2/2026 đạt 3.215 tỷ đồng (+10,9% so với đầu năm), chiếm 25,6% tổng nguồn vốn và toàn bộ là nợ vay ngắn hạn. Tỷ lệ D/E ở mức 0,86 lần, vẫn ở mức an toàn. Trong những năm gần đây, DGW có xu hướng gia tăng sử dụng đòn bẩy tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, đồng thời phân bổ một phần nguồn vốn vào các khoản đầu tư tài chính. Việc duy trì tăng nợ vay có thể khiến chi phí lãi vay gia tăng và tạo áp lực lên dòng tiền nếu tốc độ luân chuyển vốn lưu động chậm lại hoặc các hoạt động đầu tư không đạt hiệu quả như kỳ vọng.

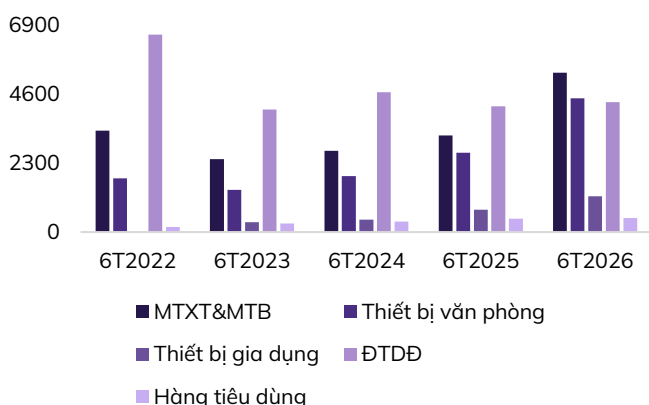
Doanh thu thuần DGW 6 tháng giai đoạn 2022-2026 (tỷ đồng)



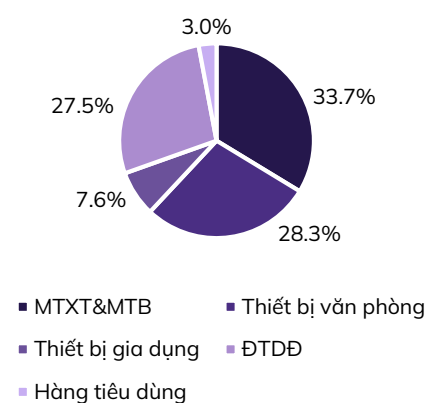
LNG và LNST cổ đông công ty mẹ của DGW 6 tháng giai đoạn 2022-2026 (tỷ đồng)



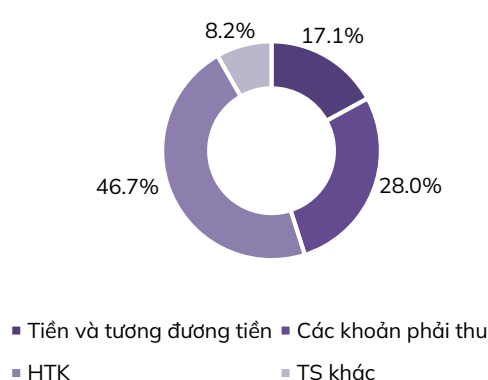
Doanh thu các mảng của DGW 6T2022-2026 (tỷ đồng)



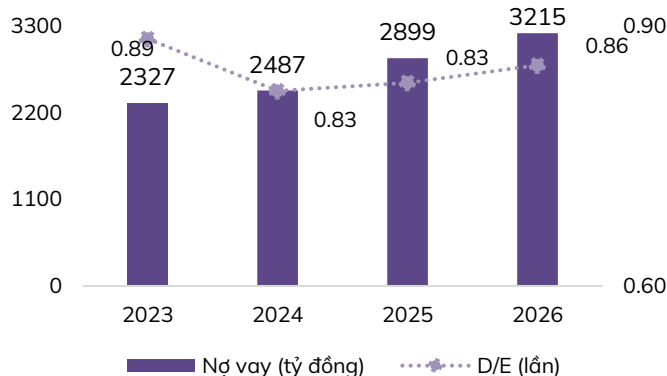
Cơ cấu doanh thu của DGW 6T2026



Cơ cấu tài sản của DGW cuối Q2/2026



Nợ vay và tỷ lệ D/E của DGW giai đoạn 2022-2026



Nguồn: DGW, ABS Research

Triển vọng và định giá

Chúng tôi cho rằng KQKD của DGW trong thời gian tới là khả quan, với động lực đến từ mảng MTXT và MTB, thiết bị văn phòng và thiết bị gia dụng nhờ các yếu tố sau:

- **Yếu tố vĩ mô - cầu tiêu dùng tiếp tục được thúc đẩy bởi các chính sách kích cầu và gia tăng thu nhập:**
 - ✓ Luật Thuế thu nhập cá nhân mới giúp giảm gánh nặng thuế cho người lao động, đặc biệt là nhóm thu nhập trung bình. Việc gia tăng thu nhập khả dụng được kỳ vọng sẽ cải thiện sức mua ngắn hạn và khuyến khích chi tiêu cho cả hàng hóa thiết yếu lẫn dịch vụ, giải trí và tiêu dùng nâng cao.
 - ✓ Chính sách giảm thuế VAT 2% tiếp tục được gia hạn đến hết năm 2026 sẽ trực tiếp làm giảm giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, qua đó kích thích tiêu dùng.
 - ✓ Ngưỡng chịu thuế với hộ kinh doanh (HKD) chính thức được nâng từ 500 triệu đồng lên 1 tỷ đồng/năm từ 01/01/2026. Nghị định 141/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã nâng ngưỡng chịu thuế của HKD từ mức 500 triệu đồng lên 1 tỷ đồng sẽ giúp giảm gánh nặng thuế đáng kể đối với HKD, tăng thu nhập thực tế cho các HKD nhỏ.
- **Mảng MTXT & MTB:** giá các thiết bị Laptop ở mức cao và nhu cầu mua mới thiết bị để tránh các đợt tăng giá trong tương lai sẽ tiếp tục là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng. Theo IDC, tình trạng thiếu hụt bộ nhớ và linh kiện bán dẫn được dự báo sẽ kéo dài ít nhất đến cuối năm 2027, do đó mặt bằng giá của các thiết bị laptop dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao trong thời gian tới. Tuy nhiên, với việc doanh thu mảng này đã tăng rất mạnh trong nửa đầu năm, chúng tôi cho rằng tăng trưởng doanh thu trong nửa cuối năm có khả năng sẽ chậm lại.
- **Mảng thiết bị văn phòng:** Nhu cầu đầu tư hạ tầng CNTT của doanh nghiệp được kỳ vọng tiếp tục duy trì tích cực trong bối cảnh các doanh nghiệp đẩy mạnh triển khai AI, mở rộng trung tâm dữ liệu (data center), nâng cấp hệ thống server, thiết bị mạng và hạ tầng lưu trữ. Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi số trong khu vực doanh nghiệp và khu vực công dự kiến tiếp tục là động lực hỗ trợ tăng trưởng của ngành hàng.
- **Mảng thiết bị gia dụng:** Mảng thiết bị gia dụng được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng nhờ thu nhập hộ gia đình cải thiện, tốc độ đô thị hóa duy trì ở mức cao và xu hướng nâng cấp các thiết bị điện gia dụng. Bên cạnh đó, nhu cầu đối với các thiết bị làm mát và điện gia dụng thông minh dự kiến tiếp tục gia tăng trong bối cảnh thời tiết nắng nóng kéo dài và mức sống người dân được cải thiện.
- **Mảng ĐTDD:** dự kiến tiếp tục suy yếu trong bối cảnh bất ổn kinh tế toàn cầu và lạm phát khiến chi tiêu cho các sản phẩm công nghệ cao bị ảnh hưởng. Đồng thời, việc giá RAM tăng cao đã đẩy chi phí sản xuất ĐTDD tăng khiến các nhà sản xuất phải tăng giá sản phẩm, ảnh hưởng nhu cầu tiêu thụ do ĐTDD không phải mặt hàng thiết yếu và có chu kỳ thay thế dài.
- ABS Research nâng dự phóng doanh thu thuần và LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của DGW lên lần lượt 33.994 tỷ đồng (+27,6% svck) và 1.139 tỷ đồng (+107,8% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 5.098 đ/cp & 19.563 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 7,8x và 2,0x tại mức giá hiện tại.
- Chúng tôi định giá cổ phiếu DGW theo phương pháp DCF. Chi phí vốn chủ sở hữu được xác định theo phương pháp CAPM trong đó lãi suất phi rủi ro được giả định bằng trung bình lãi suất tiền gửi 1 năm của 4 NHTMCP nhà nước, theo đó, lãi suất phi rủi ro được xác định là 5,9%. Phần bù rủi ro thị trường là 8,1%. Beta cổ phiếu là 1,3. Khi đó lợi suất yêu cầu của chủ sở hữu được tính ra là 16,1%. Với chi phí vốn nợ 6,0%, WACC được tính ra là 12,7%. Theo đó, giá trị hợp lý của cổ phiếu DGW là 45.700 đ/cp. Chúng tôi khuyến nghị **MUA** với cổ phiếu DGW với tiềm năng tăng giá 15,4% từ giá hiện tại.

PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ CHÍNH CỦA DGW

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	18.817	22.079	26.632	33.994
Giá vốn hàng bán	-17.258	-20.023	-24.321	-30.302
Lợi nhuận gộp	1.559	2.055	2.311	3.692
Doanh thu tài chính	195	192	264	251
Chi phí tài chính	-139	-163	-317	-256
Chi phí bán hàng	-944	-1.285	-1.369	-2.006
Chi phí QLDN	-198	-244	-224	-272
Lợi nhuận từ HKKD	469	556	668	1.413
Lãi/Lỗ khác	1	12	21	27
Lợi nhuận trước thuế	471	569	689	1.440
Lợi nhuận sau thuế	363	449	555	1.152
LNST cổ đông Công ty mẹ	354	444	548	1.139

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
LCT thuần từ HKKD	493	-108	-42	-59
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-62	-37	-14	-12
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	191	101	392	399
LCT thuần trong kỳ	623	-44	335	328
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	828	1.450	1.407	1.742
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	1.450	1.407	1.742	2.070

Chỉ số tài chính	2023	2024	2025	2026F
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,41	1,42	1,38	1,44
Khả năng thanh toán nhanh	0,75	0,74	0,77	0,80
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,30	0,26	0,31	0,31
Khả năng thanh toán lãi vay	4,85	6,92	5,98	7,86
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,35	0,35	0,31	0,33
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,65	0,65	0,69	0,67
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,89	0,83	0,83	0,79
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	33,73	35,99	38,35	38,50
Số ngày phải trả	28,98	34,93	43,73	45,00
Số ngày tồn kho	69,67	61,72	61,53	61,00
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	8,3%	9,3%	8,7%	10,9%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	3,1%	2,9%	3,0%	4,8%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	1,9%	2,0%	2,1%	3,4%
ROE	14,4%	15,9%	17,1%	29,2%
ROA	5,2%	5,6%	5,6%	9,4%
ROIC	13,0%	12,8%	14,4%	22,6%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.450	1.407	1.742	2.070
+ Đầu tư ngắn hạn	0	2	697	697
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.167	2.634	3.517	4.239
+ Hàng tồn kho	3.016	3.501	4.436	5.392
+ Tài sản ngắn hạn khác	168	228	312	312
Tài sản ngắn hạn	6.802	7.772	10.704	12.711
+ Các khoản phải thu dài hạn	15	67	14	15
+ Tài sản cố định	131	172	127	125
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	15	2	0	0
+ Đầu tư dài hạn	19	12	37	37
+ Tài sản dài hạn khác	477	475	377	344
Tài sản dài hạn	657	728	556	520
Tổng Tài sản	7.459	8.499	11.259	13.231
+ Vay ngắn hạn	2.321	2.487	2.899	3.500
+ Phải trả người bán	1.530	2.303	3.524	3.947
+ Nợ ngắn hạn khác	965	696	1.358	1.356
Nợ ngắn hạn	4.816	5.485	7.782	8.803
+ Vay dài hạn	6	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	11	3	5	5
Nợ dài hạn	16	3	5	5
Tổng nợ phải trả	4.832	5.487	7.787	8.808
+ Vốn cổ phần	1.672	2.193	2.213	2.235
+ Thặng dư vốn cổ phần	61	61	61	61
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	867	725	1.163	2.079
+ Quỹ khác	26	32	34	47
Vốn chủ sở hữu	2.627	3.012	3.472	4.423
Tổng cộng nguồn vốn	7.459	8.499	11.259	13.231

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2023	2024	2025	2026F
Tăng trưởng doanh thu	-14,6%	17,3%	20,6%	27,6%
Tăng trưởng LNTT	-45,4%	20,9%	21,1%	109,0%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	-47,0%	23,7%	23,7%	107,6%
Tăng trưởng EPS	-60,5%	7,0%	8,3%	104,9%
Tăng trưởng VCSH	2,4%	14,7%	15,3%	27,4%
Tăng trưởng Tổng tài sản	17,4%	13,9%	32,4%	17,5%

Định giá (lần)	2023	2024	2025	2026F
P/E	17,9	21,7	14,8	7,2
P/B	2,5	3,2	2,4	1,9
EPS	2.147	2.298	2.488	5.098
BVPS	15.530	13.562	15.520	19.563
EV/EBITDA	15,8	18,5	12,1	6,0
EV/Sales	0,4	0,5	0,4	0,3

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Phòng Phân tích Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Trần Minh Quang - Chuyên viên

Email: quang.trminh@abs.vn



Chứng khoán An Bình
Được vinh danh

Công ty cung cấp
Dịch vụ chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2026

BEST SECURITIES SERVICE

Do FinanceAsia bình chọn



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây

